

Bản án số: 22/2021/HS-ST

Ngày 21-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mai Dung

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Trường S - sinh ngày 01 tháng 9 năm 1978 tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 2, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Huy T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1955; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu N - sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 22/12/2020 đến ngày 31/12/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn N - sinh năm 1979. Trú tại: Khu 6, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

+Người chứng kiến: Ông Nguyễn Đăng N - sinh năm 1968. Trú tại: Khu dân cư C, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, cùng là bạn nghiện nên khoảng gần 07 giờ ngày 22/12/2020, Nguyễn Văn N dùng số điện thoại 0859835240 gọi đến số điện thoại 0328975486 của Nguyễn Trường S, hỏi mua 500.000 đồng ma túy để sử dụng. S đồng ý và hỏi N đang ở đâu. N trả lời đang trông người nhà bị ốm tại bệnh viện đa khoa thị xã P thuộc phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. S bảo khi nào xuống thị xã P sẽ gọi điện thoại cho N. Đến khoảng gần 08 giờ cùng ngày, sau khi mua được 05 gói ma túy, S gọi điện thoại hẹn gặp N ở cổng bệnh viện đa khoa thị xã P. Khi đến điểm hẹn S bán cho N 02 gói ma túy. N cầm số ma túy, đưa lại cho S 500.000 đồng. Sau đó, S cầm tiền đút vào ví rồi đi bộ ra khu vực phía sau nhà xác bệnh viện đa khoa thị xã P sử dụng một mình hết 01 gói ma túy. Còn 02 gói ma túy S mang theo trên người để sử dụng. Khi S đang đi bộ đến khu vực cổng bệnh viện đa khoa thị xã P mục đích để bắt xe ôm đi về thì bị tổ công tác Công an thị xã P phát hiện bắt quả tang vào hồi 08 giờ cùng ngày, thu giữ trên tay S 01 túi nilon màu trắng ở đầu có khuy bấm bịt kín, có viền kẻ màu đỏ, bên trong có 02 gói giấy nhỏ cả hai mặt đều màu trắng bạc, bên trong cả 02 gói giấy đều có chứa chất bột, cục màu trắng; 01 ví giả da màu nâu, bên trong có 565.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, điện thoại bị mất nắp pin, kèm thẻ sim số 0328975486. Ngay sau đó tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng thu giữ của S để phục vụ công tác điều tra. Ngay sau khi bị bắt, S đã khai nhận toàn bộ hành vi bán trái phép 02 gói ma túy cho Nguyễn Văn N trước đó.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Trường S, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã triệu tập Nguyễn Văn N đến làm việc, đồng thời tạm giữ của N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, đã qua sử dụng kèm thẻ sim số 0859835240. Tại cơ quan điều tra, N đã khai nhận toàn bộ hành vi mua ma túy của S như S đã khai. Sau khi mua được số ma túy trên, N đã sử dụng hết cho bản thân.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Trường S tại khu 2, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, Cơ quan điều tra không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Cùng ngày 22/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P tiến hành trưng cầu giám định chất bột, cục màu trắng thu giữ của S.

Tại Kết luận giám định số 54/KLGD ngày 28/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: *Mẫu chất bột, cục màu trắng bên trong 02 gói giấy mặt ngoài và mặt trong đều màu trắng bạc, 02 gói giấy này được để trong 01 túi nilon màu trắng ở đầu có khuy bấm bịt kín và viền kẻ màu đỏ trong bì niêm phong gửi đến gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng là 0,234 gam, loại Heroine.*

** Heroin là chất ma túy, có số thứ tự 9 mục 1A - Danh mục I Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định danh mục các chất ma túy và tiền chất.*

Hoàn lại đối tượng giám định: 0,137 gam chất bột, cục màu trắng cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong dán kín trong 01 bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần có liên quan.

Ngày 22/12/2020 Cơ quan điều tra có công văn đề nghị Bệnh viện tâm thần – Sở y tế Phú Thọ xác định tình trạng sử dụng ma túy của Nguyễn Trường S và Nguyễn Văn N. Kết quả xác định S và Ngọc đều sử dụng loại ma túy Morphin/Heroine - Chất dạng thuốc phiện.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trường S đã khai nhận toàn bộ hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn N và tàng trữ trái phép 02 gói ma túy còn lại để sử dụng cho bản thân.

Về nguồn gốc số ma túy S khai nhận như sau: Khoảng hơn 07 giờ ngày 22/12/2020, S gọi điện thoại đến số 0966401534 hỏi mua ma túy của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ. Sau đó, S đến khu vực Sân bay thuộc phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ mua nợ của người này 500.000 đồng được 05 gói ma túy heroin rồi đi bộ đến cổng Bệnh viện đa khoa thị xã P bán cho N như đã nêu trên.

Kết quả điều tra xác định số điện thoại 0966401534 được đăng ký chủ thuê bao là anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993, trú tại xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Tuy nhiên anh A khẳng định không quen biết và chưa từng gặp S. Nhận diện người qua ảnh, S khẳng định Nguyễn Tuấn A không phải là người đã bán ma túy cho S. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ người đàn ông đã bán ma túy cho S.

Ngày 29/12/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can Nguyễn Trường S về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự và tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trường S khai nhận: Bị cáo và N là bạn bè xã hội, cùng là người nghiện ma túy, không có mâu thuẫn gì. Bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Sau khi bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân ngày 22/12/2020, bị cáo đã tự khai ra hành vi bán trái phép 02 gói ma túy heroin cho anh N với giá 500.000 đồng vào sáng ngày 22/12/2020. Nguồn gốc số ma túy trên bị cáo mua của người đàn ông vào sáng ngày 22/12/2020 nhưng bị cáo không biết tên, địa chỉ, cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc mua bán này và không ai biết việc mua bán đó. Bị cáo bị thu giữ: 01 túi nilon màu trắng ở đầu có khuy bấm bịt kín, có viền kẻ màu đỏ, bên trong có 02 gói ma túy; 01 ví giả da màu nâu, bên trong có 565.000 đồng gồm: 500.000 đồng tiền bán ma túy cho N và 65.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, điện thoại

bị mất nắp pin, kèm thẻ sim số 0328975486 là điện thoại dùng trao đổi mua bán ma túy với N. Bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, có tài sản là nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng giá trị không lớn.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKSTXPT ngày 09/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ truy tố bị can Nguyễn Trường S về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 điều 251 của Bộ luật hình sự và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố không có lời tranh luận và bào chữa nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường S phạm các tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 điều 251; điểm r, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 điều 55; điều 38 của Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của bản án là từ 45 tháng tù đến 51 tháng tù về các tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy” được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/12/2020 đến ngày 31/12/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

-Về xử lý vật chứng và đồ vật, tài sản tại giữ: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu: của bị cáo Nguyễn Trường S 01 bì niêm phong số 54/KLGD ngày 28/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ bên trong có 0,137 gam chất bột, cục màu trắng cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong dán kín trong 01 bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần có liên quan và 01 thẻ sim số 0328975486; của anh Nguyễn Văn N 01 thẻ sim số 0859835240 để tiêu hủy;

Tịch thu: của bị cáo Nguyễn Trường S 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, đã mất nắp pin, số seri: 357284086510939; của anh Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI: 357268/05/584098/9 để bán nộp ngân sách nhà nước;

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Trường S số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trường S 01 ví giả da màu nâu đã cũ và số tiền 65.000đ (Sáu mươi lăm nghìn đồng).

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi mà bị cáo đã phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trường S đã khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 22/12/2020, tại khu vực cổng bệnh viện đa khoa thị xã P thuộc khu dân cư L, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Trường S đã thực hiện hành vi bán trái phép 02 gói ma túy Heroin cho Nguyễn Văn N với giá 500.000 đồng. Số ma túy này N đã sử dụng hết. Sau khi bán ma túy cho N, cùng địa điểm trên Nguyễn Trường S đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép trên người 0,234 gam ma túy, loại Heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân bị tố công tác Công an thị xã P phát hiện, bắt quả tang vào hồi 08 giờ cùng ngày 22/12/2020 như đã nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, kết luận trung cầu giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Bị cáo Nguyễn Trường S phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 điều 251 của Bộ luật hình sự và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều luật là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn N là người mua ma túy của S và đã sử dụng hết số ma túy này. Ngày 01/02/2021, Công an thị xã P đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N, hình thức phạt tiền, với số tiền 500.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho S, quá trình điều tra S không biết tên, tuổi, địa chỉ. Kết quả điều tra xác định số điện thoại 0966401534 được đăng ký chủ thuê bao là anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993, trú tại xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Tuy nhiên anh A khẳng định không quen biết và chưa từng gặp S. Nhận diện người qua ảnh, S khẳng định Nguyễn Tuấn A không phải là người đã bán ma túy cho S. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ người đàn ông đã bán ma túy cho S là phù hợp.

Tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: *”Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...”*

Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...”

[3].*Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ nên cần phải được xử lý nghiêm. Bị cáo là người có sức khỏe, có hiểu biết xã hội nhưng bị cáo không chịu lao động, làm ăn lương thiện mà lao vào con đường nghiện ma túy dẫn đến có hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã gây ra, cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và trong quá trình điều tra bị cáo tự khai nhận ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình khi chưa bị phát hiện nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ, người phạm tội tự thú quy định tại điểm r khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Do vậy, đối với bị cáo cần áp dụng điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung của bản án. Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng đối với bị cáo chỉ cần áp dụng hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đề nghị là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo sửa chữa được tội lỗi mà bị cáo đã phạm.

[4].*Về hình phạt bổ sung:*

Tại khoản 5 điều 249 và khoản 5 điều 251 của Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm*

đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp, bị cáo có tài sản là nhà, đất có giá trị không lớn là tài sản chung của vợ chồng và cả gia đình bị cáo đang sinh sống trên nhà và đất trên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo về tội: Mua bán trái phép chất ma túy là 5.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. *Về vật chứng và tài sản, đồ vật tạm giữ:*

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P thu giữ và chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P gồm:

Đối với 01 bì niêm phong số 54/KLGD ngày 28/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ là vật nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy;

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen kèm thẻ sim số: 0328975486 của Nguyễn Trường S và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, đã qua sử dụng kèm thẻ sim số 0859835240 của Nguyễn Văn N đây là phương tiện S và N dùng để liên lạc trao đổi mua bán ma túy trong ngày 22/12/2020 nên cần tịch thu bán nộp ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại trên còn 02 thẻ sim không có giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy. Số tiền 500.000 đồng là do S bán ma túy cho N mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Chiếc ví giả da màu nâu và số tiền 65.000 đồng là tài sản cá nhân của S, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[6]. *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Trường S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 251; điểm r, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường S phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt Nguyễn Trường S 27 (Hai mươi bảy) tháng tù.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường S phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; phạt Nguyễn Trường S 18 (Mười tám) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 điều 55; khoản 1 điều 38 của Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Trường S phải chấp hành hình phạt chung của bản án là 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù về các tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy” được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/12/2020 đến ngày 31/12/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

-Về xử lý vật chứng và đồ vật, tài sản tại giữ: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu: của bị cáo Nguyễn Trường S 01 bì niêm phong số 54/KLGD ngày 28/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ bên trong có 0,137 gam chất bột, cục màu trắng *cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong dán kín trong 01 bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần có liên quan* và 01 thẻ sim số 0328975486; của anh Nguyễn Văn N 01 thẻ sim số 0859835240 để tiêu hủy;

Tịch thu: của bị cáo Nguyễn Trường S 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, đã mất nắp pin, số seri: 357284086510939; của anh Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI: 357268/05/584098/9 để bán nộp ngân sách nhà nước;

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Trường S số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trường S 01 ví giả da màu nâu đã cũ và số tiền 65.000đ (Sáu mươi lăm nghìn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Phú Thọ ngày 09/4/2021).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Trường S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã, tỉnh;
- Công an thị xã;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Người CQLNVLQ;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thu Hiền

